

BỘ VĂN HOÁ - THÔNG
TIN
Số: 69/2006/TT-BVHTT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2006

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện một số quy định về kinh doanh vũ trường, karaoke, trò chơi điện tử quy định tại quy chế hoạt động văn hoá và kinh doanh dịch vụ văn hoá công cộng ban hành kèm theo Nghị định 11/2006/NĐ-CP

Thi hành Nghị định 11/2006/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2006 của Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động văn hoá và kinh doanh dịch vụ văn hoá công cộng. Bộ Văn hoá - Thông tin đã trao đổi thống nhất với Bộ Kế hoạch và Đầu tư (công văn số 6049/BKH-LĐVX ngày 16-8-2006) và ban hành Thông tư này hướng dẫn thực hiện một số quy định về kinh doanh vũ trường, karaoke, trò chơi điện tử như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

- Tổ chức, cá nhân kinh doanh vũ trường, karaoke, trò chơi điện tử (sau đây gọi là người kinh doanh) phải tuân theo quy định tại Luật doanh nghiệp ngày 29/11/2005, có đủ điều kiện quy định tại Quy chế ban hành kèm theo Nghị định 11/2006/NĐ-CP (sau đây gọi tắt là Quy chế); khi hoạt động phải tuân theo quy định tại Quy chế.
- Giấy phép kinh doanh quy định tại Quy chế thay cho Giấy phép hành nghề quy định tại Quy chế ban hành kèm theo Nghị định 87/CP ngày 12 tháng 12 năm 1995 của Chính phủ. Từ ngày Nghị định 11/2006/NĐ-CP có hiệu lực, các cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép sử dụng Giấy phép kinh doanh vũ trường, Giấy phép kinh doanh karaoke thống nhất theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư này.
- Cơ quan hành chính nhà nước quy định tại khoản 1 Điều 32 và khoản 1 Điều 38 của Quy chế bao gồm cơ quan quản lý Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị

- xã hội các cấp, doanh trại Công an, Quân đội; các tổ chức quốc tế, Đại sứ quán, Lãnh sự quán các nước.

4. Trường học quy định tại khoản 1 Điều 32 và khoản 1 Điều 38 của Quy chế là các trường mẫu giáo, trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông trong hệ thống giáo dục quốc dân.

5. Hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử quy định tại Quy chế không bao gồm trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài được quy định tại Quyết định số 32/2003/QĐ-TTg ngày 27/02/2003 của Thủ tướng Chính phủ.

II. NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

1. Cơ sở lưu trú du lịch được công nhận xếp hạng sao hoặc hạng cao cấp kinh doanh vũ trường, karaoke không phải xin Giấy phép kinh doanh theo quy định tại khoản 3 Điều 66 của Luật du lịch ngày 14/06/2005 nhưng kinh doanh vũ trường phải có đủ điều kiện quy định tại Điều 32, kinh doanh karaoke phải có đủ điều kiện tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 6 Điều 38 của Quy chế; điều kiện kinh doanh karaoke tại khoản 5 Điều 38 của Quy chế thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Luật Doanh nghiệp.

2. Người điều hành trực tiếp tại phòng khiêu vũ phải có trình độ trung cấp chuyên ngành văn hoá nghệ thuật trở lên quy định tại khoản 2 Điều 32 của Quy chế bao gồm các ngành nghệ thuật biểu diễn mỹ thuật, điện ảnh, văn hoá quần chúng, quản lý văn hoá.

3. Cửa phòng karaoke quy định tại khoản 3 Điều 38 của Quy chế phải là cửa kính không màu: nếu có khung thì không được quá hai khung dọc và ba khung ngang; diện tích khung không quá 15% diện tích cửa.

4. Khoảng cách từ 200m trở lên quy định tại khoản 1 Điều 32 và khoản 1 Điều 38 của Quy chế tính từ cửa phòng khiêu vũ, phòng hát karaoke đến cổng trường học, bệnh viện, cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng, di tích lịch sử văn hoá, cơ quan hành chính nhà nước. Khoảng cách đó chỉ áp dụng trong các trường hợp trường học, bệnh viện, cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng, di tích lịch sử văn hoá, cơ quan hành chính nhà nước có

trước, chủ địa điểm kinh doanh đăng ký kinh doanh hoặc xin Giấy phép kinh doanh sau.

5. Khoảng cách từ 200m trở lên quy định tại điểm a khoản 1 Điều 43 của Quy chế tính từ cửa hàng trò chơi điện tử đến cổng các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông.

6. Địa điểm kinh doanh karaoke trong khu dân cư phải được sự đồng ý bằng văn bản của các hộ liên kề quy định tại khoản 5 Điều 38 của Quy chế được hiểu và thực hiện như sau:

a) Hộ liên kề là hộ có tường nhà ở liền kề với tường phòng hát karaoke hoặc đất liền kề mà tường nhà ở cách tường phòng hát karaoke dưới 5m.

b) Hộ liên kề có quyền đồng ý cho người kinh doanh karaoke trong trường hợp hộ liên kề đã ở từ trước, người kinh doanh xin Giấy phép kinh doanh sau.

Trường hợp người kinh doanh đã được cấp Giấy phép kinh doanh trước, hộ liên kề xây dựng nhà ở sau hoặc được quyền đến ở sau khi người kinh doanh đã được cấp Giấy phép kinh doanh thì hộ liên kề không có quyền quy định tại khoản 5 Điều 38 của Quy chế.

c) Văn bản đồng ý của hộ liên kề phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn sở tại, do người xin Giấy phép kinh doanh nộp trong hồ sơ xin cấp giấy phép và có giá trị trong suốt thời hạn người kinh doanh được quyền kinh doanh quy định trong giấy phép.

d) Trường hợp hộ liên kề không có văn bản đồng ý nhưng cũng không phản đối thì được coi là không có ý kiến và phải có văn bản xác định hộ liên kề không có ý kiến. Văn bản xác định hộ liên kề không có ý kiến được hiểu là hộ liên kề không sử dụng quyền quy định tại khoản 5 Điều 38 của Quy chế.

7. Mọi trường hợp gia hạn, đổi, cấp mới Giấy phép kinh doanh vũ trường, karaoke phải có đủ điều kiện quy định tại Quy chế và hướng dẫn tại Thông tư này.

8. Hồ sơ và thủ tục xin cấp Giấy phép kinh doanh karaoke, vũ trường:

Người xin cấp Giấy phép kinh doanh vũ trường nộp hồ sơ xin cấp giấy phép tại Sở Văn hoá - thông tin; xin cấp Giấy phép kinh doanh karaoke nộp hồ sơ xin cấp Giấy